TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ SẦM SƠN** **TỈNH HANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 28/2023/QĐST-VHNGĐ	*Sầm Sơn, ngày 16 tháng 6 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ khoản 2 Điều 29, khoản 2 Điều 149, Điều 212, Điều 213, Điều 361, Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình 2014.

Căn cứ nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu , nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 27/2023/TLST-VHNGĐ ngày 18/5/2023 về việc: "*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, người nuôi con*" gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Anh Lê Văn K - sinh năm 1982;

Địa chỉ: Tổ dân phố V, phường Q, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa

2. Chị Phạm Thị L - sinh năm 1983;

Địa chỉ: Thôn C, xã Đ, huyện L, tỉnh Thanh Hóa

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Văn K và chị Phạm Thị L kết hôn với nhau năm 2006 trên cơ sở hôn nhân tự nguyện, tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện L, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi cưới cuộc sống vợ chồng vui vẻ hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính cách vợ chồng không con hợp nhau dẫn đến cãi vã, xô xát nhau, không tôn trọng nhau, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không còn quan tâm nhau. Từ năm 2015 anh chị ly thân nhau cho tới nay, quá trình ly thân anh chị không còn quan tâm tới nhau nữa. Nay anh chị không còn tình cảm với nhau, hôn nhân không thể hàn gắn được nữa, nên anh chị thống nhất thuận tình ly hôn. Xét thấy tình cảm vợ chồng của anh chị không đáp ứng được với quy định tại khoản 3 Điều 2 về nguyên tắc cơ bản của chế độ hôn nhân gia đình và Điều 19 về tình nghĩa vợ chồng của luật Hôn nhân gia đình năm 2014. Việc thuận tình ly hôn của anh, chị là hoàn toàn tự nguyện. Vì vậy công nhận thuận tình ly hôn của anh chị là phù hợp với quy định tại Điều 55 luật Hôn nhân gia đình 2014.

[2]. Về con chung: Anh Lê Văn K và chị Phạm Thị L có hai con chung là cháu Lê Thị Tú L, sinh ngày 12/7/2006 và cháu Lê Như T, sinh ngày 11/5/2013. Ly hôn anh, chị thống nhất giao cả hai cháu cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh K có nghĩa vu cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho mỗi cháu là 1.000.000 đồng/tháng, hai cháu là 2.000.000 đồng/tháng. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 6/2023 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Sự thỏa thuận của anh chị về

người nuôi con và cấp dưỡng là tự nguyện, không trái pháp luật, xét thấy nên chấp nhận là đúng với quy định tại điều 58, 81, 82, 83 luật Hôn nhân và gia đình.

[3]. Về tài sản: Anh, chị thống nhất không yêu cầu giải quyết.

[4]. Về lệ phí: Anh K, chị L thuộc trường hợp phải nộp tiền lệ phí giải quyết việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn. Anh, chị thỏa thuận anh Lê Văn K nộp tiền lệ phí ly hôn sơ thẩm là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn ngày 08/6/2023, không có ai thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Văn K và chị Phạm Thị L thuận tình ly hôn.

Về con chung: Chị Phạm Thị L là người trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu Lê Thị Tú L và Lê Như T. Anh K có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con cho mỗi cháu là 1.000.000đ (một triệu đồng)/tháng, hai cháu là 2.000.000đ (hai triệu đồng)/tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 06/2023 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh K có quyền qua lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

2. Về lệ phí: Anh Lê Văn K nộp 300.000 đồng tiền lệ phí yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí mà anh đã nộp theo biên lai số: AA/2021/0013626 ngày 18/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sấm Sơn (anh K đã nộp đủ tiền lệ phí).

"*Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi án có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6; Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự*".

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND TP. Sầm Sơn;
- Chi cục THADS TP. Sầm Sơn;
- UBND xã Đ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Lê Thị Phong